ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 139 /TTr-UBND	*Quảng Ngãi, ngày 19 tháng 6 năm 2017*

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết thông qua Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NGÃI
CV ĐẾN Số: 5432
Ngày: 19/6/17
Chuyển:

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Thủy sản ngày 26/11/2003; UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết thông qua Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

Quảng Ngãi là một tỉnh ven biển Nam Trung bộ, nằm trong vùng kinh tế trọng điểm miền Trung, có diện tích tự nhiên khoảng 5.153km^2 và dân số trung bình hơn 1,2 triệu người. Với bờ biển dài hơn 130 km và hàng ngàn ha mặt nước đầm, hồ chứa nước là điều kiện rất thuận lợi cho sự phát triển của ngành Thủy sản ở địa phương. Toàn tỉnh có 14 huyện thị, thành phố; trong đó 04 huyện: Bình Sơn, Mộ Đức, Đức Phổ, Lý Sơn và thành phố Quảng Ngãi có hoạt động kinh tế biển, với dân số chiếm khoảng 42% tổng số dân toàn tỉnh.

Thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, hội nhập với thị trường khu vực và quốc tế; sự phát triển ngành thủy sản ngày càng phải đáp ứng các vấn đề sau: (1) Định hướng phát triển ngành thủy sản nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; (2) Thích ứng với tình trạng khí hậu ngày càng khắc nghiệt, nguồn lợi thủy sản ngày càng suy giảm; tình hình thiên tai, dịch bệnh thủy sản nuôi ngày càng diễn biến phức tạp; (3) Tác động của các cơ chế chính sách kinh tế - xã hội có liên quan đến ngành thủy sản, tình hình trong nước và quốc tế có những biến động khó lường, đặc biệt là vấn đề tranh chấp trên Biển Đông.

Do vậy, việc xây dựng Quy hoạch phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030, tham mưu trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết là rất cần thiết và tuân thủ theo quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

- Quy hoạch phát triển ngành Thủy sản làm cơ sở phục vụ cho công tác chỉ đạo, điều hành của các cấp, tổ chức sản xuất ở từng địa phương và định

hướng kêu gọi đầu tư.

- Đảm bảo cung cấp nguồn thực phẩm tiêu thụ nội địa ổn định và hướng tới xuất khẩu với giá trị ngày càng cao.

- Góp phần tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của một bộ phận nhân dân, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

- Phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi phải nằm trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh và phù hợp với định hướng chiến lược phát triển thủy sản của cả nước.

- Khai thác có hiệu quả lợi thế, tiềm năng để phát triển thủy sản; chú trọng phát triển đội tàu khai thác thủy sản xa bờ, giảm áp lực khai thác vùng biển ven bờ, tăng năng suất nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ nguồn lợi, bảo vệ môi trường sinh thái.

- Huy động nguồn lực từ nhiều thành phần kinh tế đầu tư phát triển thủy sản, đảm bảo cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất được đầu tư đồng bộ, đặc biệt là hệ thống cảng, bến cá, khu neo trú tàu thuyền và dịch vụ hậu cần nghề cá, giảm thiểu rủi ro trong sản xuất.

- Áp dụng quy trình sản xuất thân thiện với môi trường để tạo sản phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và theo hướng hiệu quả, bền vững.

- Phát triển thủy sản phải gắn kết chặt với hoạt động của các ngành kinh tế khác, khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi, gắn với bảo vệ chủ quyền biển đảo, tránh xung đột với việc phát triển các ngành kinh tế khác, đặc biệt là du lịch.

- Phát triển thủy sản tạo công ăn việc làm và tăng thu nhập cho người dân, góp phần xóa đói giảm nghèo, có kế hoạch cụ thể nhằm giảm thiểu rủi ro của ngư dân trong giai đoạn biến đổi khí hậu toàn cầu và nước biển dâng.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH VÀ ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

1. Phạm vi quy hoạch

Toàn bộ các hoạt động thủy sản trên địa giới hành chính và vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Quảng Ngãi bao gồm 14 huyện, thành phố. Các lĩnh vực quy hoạch gồm: (1) Khai thác thủy sản; (2) Nuôi trồng thủy sản; (3) Chế biến và tiêu thụ sản phẩm thủy sản; (4) Cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất thủy sản; (5) Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý, tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động thủy sản trên địa bàn tỉnh.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì lập Quy hoạch và xây dựng dự thảo Nghị quyết, gửi lấy ý kiến góp ý của UBND các huyện, thành phố, các Sở, ngành và các đơn vị có liên quan;

trên cơ sở đó tổ chức nghiên cứu, tiếp thu chỉnh lý dự thảo đăng tải toàn văn trên cổng thông tin điện tử của tỉnh từ ngày 28/4/2017 để các cơ quan, tổ chức cá nhân tham gia góp ý kiến; được Thường trực HĐND tỉnh thống nhất việc xây dựng Nghị quyết thông qua Quy hoạch nêu trên tại Công văn số 158/HĐND-KTNS ngày 05/5/2017.

Nội dung Quy hoạch đã được Hội đồng thẩm định liên ngành của tỉnh tổ chức thẩm định vào ngày 25/4/2017; dự thảo Nghị quyết thông qua Quy hoạch được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 162/BC-STP ngày 22/5/2017. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tiếp thu, hoàn chỉnh Quy hoạch, hồ sơ đề nghị ban hành Nghị quyết và UBND tỉnh thống nhất trình HĐND tỉnh để xem xét, thông qua.

V. NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Định hướng, mục tiêu phát triển

a) Định hướng phát triển:

Khai thác mọi tiềm năng, phát huy lợi thế về biển để phát triển thủy sản thành một ngành kinh tế mạnh của tỉnh theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Từng bước hình thành vùng nguyên liệu thủy sản tập trung phục vụ cho công nghiệp chế biến, xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa sản xuất - chế biến - tiêu thụ và tạo ra nhiều chuỗi giá trị thủy sản, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, góp phần đảm bảo quốc phòng, an ninh và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc.

- Đối với khai thác thủy sản: Phát triển khai thác thủy sản một cách hiệu quả đi đôi với bảo vệ và tái tạo nguồn lợi thủy sản. Tổ chức lại nghề khai thác theo hướng giảm dần số lượng tàu thuyền nhỏ khai thác ven bờ, đồng thời hiện đại hóa và nâng cao hiệu quả kinh tế đội tàu khai thác xa bờ, phát triển các nghề khai thác thân thiện với môi trường, hạn chế các nghề khai thác mang tính hủy hoại và nguy hiểm.

- Đối với nuôi trồng thủy sản: Phát triển nuôi thủy sản theo hình thức thâm canh, ứng dụng công nghệ cao ở những nơi có điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng để tạo khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn. Đa dạng hóa đối tượng nuôi, đặc biệt chú trọng các đối tượng nuôi có giá trị kinh tế cao để khai thác có hiệu quả tiềm năng về điều kiện tự nhiên, giảm rủi ro về thị trường và dịch bệnh.

- Đối với chế biến, thương mại thủy sản: Đầu tư nghiên cứu và mở rộng thị trường trong tỉnh và các tỉnh lận cận có nhu cầu tiêu thụ sản phẩm thủy sản lớn. Đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến thủy sản và hệ thống kho đông lạnh lưu giữ và bảo quản sản phẩm thủy sản để ổn định nguồn nguyên liệu chế biến. Đổi mới và phát triển hệ thống thương mại thủy sản có tính cạnh tranh và phù hợp với yêu cầu của thị trường nội địa và xuất khẩu.

Tăng cường áp dụng các phương thức tổ chức quản lý và công nghệ sản xuất tiên tiến, tiếp cận với các thoả thuận khu vực và pháp luật quốc tế có liên quan tới nghề cá đảm bảo cho thủy sản của tỉnh hoà nhập với sự phát triển

chung của ngành thủy sản cả nước. Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các khâu khai thác, nuôi trồng, chế biến, dịch vụ thương mại thủy sản và xây dựng chuỗi giá trị thủy sản đối với một số sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Đối với cơ sở hạ tầng và dịch vụ hậu cần nghề cá: Hoàn thiện cơ sở hạ tầng và dịch vụ cho ngành thủy sản đảm bảo phục vụ tốt nhu cầu phát triển, trước hết là các công trình cảng, bến cá, thông luồng, vũng neo đậu trú bão tàu thuyền nhằm thu hút nguồn nguyên liệu thủy sản về địa phương. Đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản, khuyến khích phát triển các cơ sở đóng, sửa tàu thuyền, cơ sở sản xuất giống, nuôi thủy sản tập trung ứng dụng công nghệ cao; xây dựng các cơ sở dịch vụ hậu cần nghề cá đáp ứng đầy đủ các yêu cầu đầu ra chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm thủy sản.

b) Mục tiêu:

b1) Mục tiêu chung:

Phát triển toàn diện ngành thủy sản trên tất cả các lĩnh vực khai thác, nuôi trồng, chế biến và xây dựng kết cấu hạ tầng nghề cá. Từng bước đưa ngành thủy sản của tỉnh phát triển thành một ngành sản xuất hàng hoá mạnh, theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, trên cơ sở hiệu quả, bền vững, hoà nhập với sự phát triển thủy sản cả nước, khu vực và quốc tế; tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo và từng bước làm giàu cho người lao động, góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh biển đảo của Tổ quốc.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Khai thác thủy sản (KTTS): Tổng sản lượng thủy sản khai thác đến năm 2020 đạt 206.000 tấn; định hướng đến năm 2030 đạt khoảng 230.000 tấn. Tổng số lượng tàu thuyền đến năm 2020 giảm còn 5.300 chiếc, với tổng công suất 1.600.000cv; định hướng đến năm 2030 còn 4.500 chiếc với tổng công suất 2.000.000cv. Đến năm 2020, giảm tỷ lệ nghề lưới kéo tầng đáy xuống dưới 25%; tăng nghề rê khơi lên 30%, nghề rê câu lên 18% và nghề vây đạt 13%.

- Nuôi trồng thủy sản (NTTS): Diện tích NTTS đến năm 2020 đạt 2.350 ha, trong đó nuôi mặn, lợ 850 ha và nuôi nước ngọt 1.500 ha. Sản lượng NTTS đến năm 2020 đạt 9.300 tấn. Định hướng đến năm 2030 diện tích NTTS đạt khoảng 2.800 ha, sản lượng đạt 12.500 tấn.

- Chế biến thủy sản: Tổng công suất nhà máy chế biến thủy sản toàn tỉnh đến năm 2020 đạt 30.000 tấn, sản lượng sản phẩm thủy sản chế biến khoảng 23.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt 25 triệu USD. Định hướng đến năm 2030 sản phẩm thủy sản chế biến đạt khoảng 32.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 30 triệu USD.

- Cơ sở hạ tầng nghề cá: Đến năm 2020, tập trung đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các cảng cá, các trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá: Cảng cá, khu neo đậu trú bão tàu cá và khu dịch vụ hậu cần nghề cá Cổ Lũy (giai đoạn 1); Cảng

cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Mỹ Á (giai đoạn 2); Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn (giai đoạn 2) và sửa chữa hệ thống phao luồng, nạo vét tại các cảng cá Sa Huỳnh, Lý Sơn, Sa Kỳ.

Định hướng đến năm 2030, đầu tư xây dựng hoàn thành các cảng cá, trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá tại các cửa biển sau: Khu neo đậu trú bão tàu cá Sa Huỳnh; Cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Tịnh Hòa (cấp vùng) giai đoạn 1; Cảng cá, khu neo đậu trú bão tàu cá và trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Cần; Khu dịch vụ hậu cần nghề cá Lý Sơn và Bến cá Đức Lợi.

- Giá trị sản xuất thủy sản (theo giá so sánh năm 2010): Giá trị sản xuất ngành thủy sản đến năm 2020 đạt 5.712 tỷ đồng, định hướng đến năm 2030 đạt khoảng 7.138 tỷ đồng.

2. Quy hoạch phát triển theo lĩnh vực

a) Quy hoạch phát triển khai thác thủy sản:

a1) Quy hoạch số lượng tàu thuyền:

Đến năm 2020, tổng số tàu thuyền là 5.300 chiếc (trong đó tàu có công suất lớn trên 90 cv là 3.400 chiếc) với tổng công suất 1.600.000 cv.

a2) Quy hoạch nghề nghiệp khai thác thủy sản:

- Thành phố Quảng Ngãi: Ưu tiên phát triển nghề lưới vây, lưới rê, pha xúc, câu; giảm dần nghề lưới kéo.

- Huyện Bình Sơn: Ưu tiên phát triển nghề câu mực xà, lưới vây, lưới rê; giảm dần nghề lặn.

- Huyện Mộ Đức: Phát triển nghề câu, rê, khai thác gần bờ.

- Huyện Đức Phổ: Phát triển mạnh nghề lưới rê, lưới vây; giảm dần nghề lưới kéo.

- Huyện Lý Sơn: Tập trung phát triển nghề lưới vây, câu, rê; giảm dần nghề lặn.

a3) Quy hoạch sản lượng khai thác thủy sản:

Đến năm 2020, sản lượng khai thác thủy sản là 206.000 tấn, trong đó cá 160.000 tấn, tôm 6.000 tấn và hải sản khác 40.000 tấn.

b) Quy hoạch phát triển nuôi trồng thủy sản:

b1) Quy hoạch diện tích nuôi:

Đến năm 2020, tổng diện tích NTTS là 2.350 ha; trong đó:

- Nuôi thủy sản nước lợ là 820 ha (diện tích thả nuôi 2 - 3 vụ/năm); gồm vùng triều 600 ha, vùng trên đất cát ven biển 220 ha.

- Nuôi thủy sản nước mặn: nuôi trên biển 30 ha.

- Nuôi thủy sản nước ngọt: 1.500 ha; gồm ao hồ, ruộng trũng 260 ha và mặt nước lớn 1.240 ha.

b2) Quy hoạch đối tượng nuôi:

- Đối tượng nuôi thủy sản nước lợ:

+ Tôm chân trắng: Đến năm 2020, chủ yếu nuôi trên vùng đất cát ven biển với diện tích khoảng 200 ha và khoảng 500 ha diện tích vùng triều ở các huyện Bình Sơn, Tư Nghĩa, Mộ Đức, Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi.

+ Tôm sú: chủ yếu nuôi ở vùng triều huyện Bình Sơn và thành phố Quảng Ngãi với diện tích khoảng 50 ha.

+ Đối tượng nuôi nước lợ khác: Cá chẽm, cua xanh, ốc hương,..

- Đối tượng nuôi thủy sản nước mặn:

+ Tôm hùm: Chủ yếu nuôi ở vùng biển Lý Sơn, có thể đạt tới 500 lồng.

+ Cá bớp, cá mú, cá chim vây vàng, hàu Thái Bình Dương: Chủ yếu nuôi lồng ở vùng biển Lý Sơn, có thể đạt tới 1.500 lồng.

- Đối tượng nuôi thủy sản nước ngọt:

Đến năm 2020 toàn tỉnh sẽ đưa vào nuôi các đối tượng nước ngọt khoảng 1.500 ha, trong đó nuôi mặt nước lớn 1.240 ha, nuôi ao hồ nhỏ 260 ha.

+ Các loại cá thông thường: chép, trắm, trôi, thát lát, rô phi đơn tính, bống tượng,... nuôi hầu hết trên diện tích các hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện và ao hồ nhỏ ở trung du miền núi.

+ Các đối tượng có giá trị cao: gồm cá chình, cá tầm,... chủ yếu nuôi lồng dọc sông Trà Khúc và các hồ chứa nước thủy lợi, thủy điện.

c) Quy hoạch phát triển chế biến thủy sản:

- Tổng sản lượng thủy sản đưa vào chế biến đến năm 2020 khoảng 57.720 tấn, chiếm 25,8% tổng sản lượng thủy sản trong vùng (cả nhập).

- Sản lượng chế biến xuất khẩu khoảng 9.500 tấn, sản lượng chế biến nội địa khoảng 11.500 tấn. Kim ngạch xuất khẩu khoảng 25 triệu USD.

- Đến năm 2020 đưa tổng công suất chế biến đạt 30.000 tấn/năm.

- Nâng cấp, đổi mới công nghệ các nhà máy chế biến hiện có tại Khu công nghiệp Quảng Phú; xây dựng mới 02 nhà máy chế biến thủy sản tại thành phố Quảng Ngãi và 01 nhà máy chế biến thủy sản Mỹ Á tại xã Phổ Quang (huyện Đức Phổ).

- Tập trung mở rộng quy mô sản xuất của các cơ sở sản xuất nước mắm hiện có ở huyện Mộ Đức, Đức Phổ, thành phố Quảng Ngãi; xây dựng thêm 02 cơ sở chế biến ở các xã Bình Thạnh, Bình Châu (huyện Bình Sơn) và 01 cơ sở ở huyện Lý Sơn.

d) Quy hoạch cơ sở hạ tầng và dịch vụ nghề cá:

d1) Quy hoạch hệ thống cảng cá, bến cá và khu neo đậu tàu thuyền:

Trong giai đoạn 2016 – 2020 cần tập trung đầu tư các dự án hạ tầng phục vụ khai thác thủy sản như sau:

- Cảng cá, khu neo đậu trú bão tàu cá và khu dịch vụ hậu cần nghề cá Cổ Lũy (giai đoạn 1) thuộc địa phận xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi.

- Cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Mỹ Á (giai đoạn 2) thuộc địa

phận xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ.

- Vũng neo đậu tàu thuyền Lý Sơn (giai đoạn 2) thuộc địa phận xã An Hải, huyện Lý Sơn.

- Sửa chữa hệ thống phao luồng, nạo vét tại các cảng cá Sa Huỳnh, Lý Sơn, Sa Kỳ.

- Tập trung quy hoạch, đầu tư xây dựng vùng cửa biển Sa Kỳ thành trung tâm nghề cá lớn quy mô cấp tỉnh.

d2) Quy hoạch cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá:

- Nâng cấp 04 cơ sở đóng sửa tàu thuyền, cụ thể như sau:

+ Thành phố Quảng Ngãi: 03 cơ sở (xã Tịnh Kỳ 02 cơ sở, xã Nghĩa An 01 cơ sở).

+ Huyện Bình Sơn: 01 cơ sở (xã Bình Thạnh).

- Xây dựng mới 03 cơ sở đóng tàu thuyền có khả năng sửa được tàu vỏ thép và đóng mới tàu Composite: tại huyện Đức Phổ (1 cơ sở) và thành phố Quảng Ngãi (2 cơ sở).

d3) Quy hoạch cơ sở hạ tầng phục vụ nuôi trồng thủy sản tập trung:

- *Về giao thông:* Đầu tư xây dựng 8 km đường giao thông nội đồng phục vụ NTTS tập trung xã Nghĩa Hòa.

- *Về điện:* Đầu tư xây dựng 2 km đường dây 22 kv, 2 TBA và 5 km đường dây 0,4 kv phục vụ vùng nuôi thôn Thu Xà, xã Nghĩa Hòa.

Đối với vùng NTTS tập trung ở Lý Sơn: Đây là vùng nuôi trồng trên biển nên không đầu tư hệ thống giao thông và điện mà chỉ đầu tư 36 rùa neo, 40 cái phao tiêu, đèn báo hiệu và 06 điểm thu gom rác thải.

d4) Quy hoạch hệ thống sản xuất giống, thức ăn, chế phẩm vi sinh, thuốc thú y thủy sản:

- Về sản xuất giống: Trong giai đoạn đến năm 2020 đầu tư nâng cấp 02 trại sản xuất giống, trong đó 01 trại sản xuất giống thủy sản nước lợ Phổ Quang – Huyện Đức Phổ và 01 trại sản xuất giống thủy sản nước ngọt tại xã Phổ Hòa – Huyện Đức Phổ.

- Về sản xuất thức ăn, chế phẩm vi sinh: nhập từ các đại lý và công ty sản xuất ở các tỉnh khác

đ) Quy hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản

- Trong giai đoạn đến năm 2020, đẩy mạnh hoạt động Khu bảo tồn biển Lý Sơn, nhằm bảo tồn và tái tạo san hô, thảm cỏ biển, cá cảnh tự nhiên và các loài thủy sinh quý hiếm khác.

- Hàng năm thả bổ sung vào một số thủy vực tự nhiên có điều kiện một số loài thủy sản bản địa, quý hiếm, loài có giá trị kinh tế nhằm khôi phục nguồn lợi, tăng mật độ quần thể của các loài thủy sản đã bị khai thác cạn kiệt, lập lại cân bằng sinh thái, ổn định quần xã sinh vật thủy sinh trong các thủy vực.

- Đóng mới 01 chiếc tàu kiểm ngư để tăng cường năng lực cho lực lượng tuần tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

3. Quy hoạch phát triển theo địa phương

a) Huyện Bình Sơn:

- Đẩy mạnh phát triển đội tàu khai thác thủy sản xa bờ tại các xã Bình Đông, Bình Chánh, Bình Thạnh, Bình Châu với các nghề đánh bắt chủ lực truyền thống như: câu mực xà, câu khơi,... Đối với nhóm tàu nhỏ hơn duy trì phát triển nghề câu, rê, vây, các nghề mang tính thân thiện khai thác gần bờ. Hạn chế dần nghề lặn bắt hải sản mang tính rủi ro, nguy hiểm.

- Duy tu, nâng cấp cảng cá sông Trà Bồng tại xã Bình Đông để đảm bảo phát huy cao nhất hiệu quả công trình. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để giai đoạn 2021 - 2030 xây dựng mới Cảng cá, khu neo đậu trú bão tàu cá và trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Cần với quy mô 800 tàu cá thuộc địa phận xã Bình Thạnh, Bình Đông theo quy hoạch đã được Chính phủ phê duyệt.

- Giảm dần diện tích NTTS nước mặn, lợ trên địa bàn huyện theo lộ trình đầu tư và hoạt động của Khu kinh tế Dung Quất.

- Hình thành làng nghề chế biến chả cá, cá khô, mực khô (mực xà), nước mắm tại các xã trong điểm nghề cá như: Bình Chánh, Bình Thạnh, Bình Đông và Bình Châu.

b) Thành phố Quảng Ngãi:

- Phát triển đội tàu khai thác thủy sản xa bờ với các nghề chủ lực như: lưới kéo, lưới vây, lưới rê, pha xúc cá cơm,....

- Vùng cửa biển Sa Kỳ, Cổ Lũy là trung tâm nghề cá lớn nhất của tỉnh nên việc phát triển cơ sở hạ tầng, hình thành đội tàu dịch vụ hậu cần để nâng cao hiệu quả kinh tế trong khai thác thủy sản là hết sức cần thiết.

- Theo quy hoạch của Chính phủ đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 sẽ đầu tư cảng cá, khu neo trú tàu cá và trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Cổ Lũy với sức chứa 800 tàu cá, Cảng cá và khu neo trú tàu cá (cấp vùng) tại thôn Đông Hòa xã Tịnh Hòa quy mô cấp vùng với sức chứa 1.500 tàu cá. Tập trung quy hoạch, đầu tư xây dựng vùng cửa biển Sa Kỳ thành trung tâm nghề cá lớn quy mô cấp tỉnh.

- Phát triển các cơ sở đóng sửa tàu thuyền tại xã Nghĩa An, Nghĩa Phú, Tịnh Kỳ đảm bảo phục vụ việc sửa chữa, đóng mới tàu thuyền trên địa bàn thành phố và các huyện lân cận.

- Tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản ở các vùng bãi triều ven sông thuộc địa bàn các xã Nghĩa Hà, Tịnh Hoà, Tịnh Khê và Tịnh Kỳ, đồng thời thay đổi cơ cấu về phương thức nuôi, ứng dụng công nghệ cao vào NTTS.

c) Huyện Tư Nghĩa:

Nghề cá của huyện Tư Nghĩa hiện nay còn lại chiếm tỷ trọng nhỏ so với toàn tỉnh. Lực lượng tàu thuyền khai thác thủy sản của huyện hiện nay không còn nên trong giai đoạn tới chỉ tập trung phát triển nuôi trồng thủy sản ở vùng

triều thuộc các xã Nghĩa Hòa, Nghĩa Hiệp với các đối tượng chủ lực là tôm sú và tôm thẻ chân trắng.

d) Huyện Mộ Đức:

Đây là huyện có cửa biển nhỏ (Cửa Lở xã Đức Lợi), cạn và hẹp; các xã ven biển còn lại chủ yếu là bãi ngang, không có điều kiện thuận lợi cho việc phát triển nghề khai thác thủy sản; số lượng tàu thuyền khai thác thủy sản ít, chủ yếu là tàu thuyền nhỏ hoạt động ở vùng biển gần bờ; diện tích NTTS chủ yếu là trên đất cát ven biển, diện tích vùng triều có khoảng 10 ha.

- Trong giai đoạn tới ổn định số lượng tàu thuyền khai thác với các loại nghề mang tính chọn lọc như lưới rê, câu, rập,...

- Tập tung phát triển NTTS tập trung vùng triều tại xã Đức Lợi, nuôi trên đất cát tại các xã: Đức Chánh, Đức Thắng, Đức Minh và Đức Phong.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sau năm 2020 xây dựng bến cá Đức Lợi với công suất 50 tàu 500cv, lượng hàng thủy sản qua bến khoảng 5.000 tấn/năm.

- Tập trung đầu tư phát triển làng nghề chế biến nước mắm tại xã Đức Lợi, xây dựng, củng cố thương hiệu nhằm tham gia vào thị trường xuất khẩu.

đ) Huyện Đức Phổ:

- Đức Phổ có các cửa biển: Mỹ Á (xã Phổ Quang), Sa Huỳnh (xã Phổ Thạnh) là một trong những trung tâm nghề cá lớn phía Nam của tỉnh, có lực lượng tàu thuyền lớn cả về công suất và số lượng, với các nghề chủ lực như lưới kéo, rê, câu.

- Trong giai đoạn tới cần tiếp tục phát triển nâng cấp đội tàu công suất trên 90cv và giảm dần số lượng tàu thuyền dưới 90cv. Tập trung xây dựng Cảng cá và khu neo đậu trú bão tàu cá Mỹ Á giai đoạn 2 và đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thủy sản Mỹ Á tại xã Phổ Quang.

- Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sau năm 2020 xây dựng Khu neo đậu trú bão tàu cá Sa Huỳnh theo quy hoạch của Chính phủ, đồng thời xây dựng đồng bộ hệ thống dịch vụ hậu cần phù hợp với quy hoạch cụm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Sa Huỳnh (chế biến thủy sản, đóng sửa tàu cá, cung ứng nhiên liệu, nước đá, ngư lưới cụ,...) thu hút nguồn nguyên liệu từ các tàu thuyền khai thác thủy sản trong và ngoài tỉnh, giải quyết việc làm cho lao động địa phương.

- Phát triển NTTS tập trung trên vùng triều, vùng đất cát tại các xã: Phổ Minh, Phổ Quang, Phổ Vinh, Phổ Khánh với phương thức nuôi bán thâm canh và thâm canh đảm bảo các điều kiện vùng nuôi an toàn đáp ứng các quy định về thực hành nông nghiệp tốt (GAP).

e) Huyện Lý Sơn:

- Ổn định số lượng tàu cá hiện có, tập trung nâng cấp tàu công suất lớn nhằm khai thác các ngư trường khơi xa với các loại nghề: rê, vây, câu. Cần hạn chế phát triển nghề lặn vì có nhiều rủi ro gây thiệt hại tài sản và tính

mạng của ngư dân.

- Ứng dụng khoa học công nghệ vào nuôi trồng thủy sản nước mặn vùng ven đảo với hệ thống kết cấu lồng, lưới, neo, phao tiêu,... bền vững chịu được sóng gió. Áp dụng các quy trình kỹ thuật, mật độ nuôi phù hợp để hạn chế dịch bệnh gây thiệt hại cho người nuôi.

- Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cảng cá, khu neo đậu trú bão tàu cá (giai đoạn 2) và Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Lý Sơn tại xã An Hải theo quy hoạch nhằm hình thành khu dịch vụ hậu cần trên đảo phục vụ nhu cầu KTTS trong khu vực vùng biển miền Trung.

- Tập trung xây dựng cơ sở vật chất và đẩy mạnh hoạt động Khu Bảo tồn biển Lý Sơn nhằm khôi phục hệ sinh thái và đa dạng sinh học cho vùng biển (san hô, rong biển, cỏ biển, cá rạn, ốc biển,...). kết hợp với phát triển du lịch sinh thái biển, đảo.

g) Các huyện trung du và miền núi (Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Minh Long, Tây Trà, Trà Bồng, Sơn Tây, Sơn Hà, Ba Tơ):

Tập trung phát triển nuôi thủy sản theo 3 hình thức nuôi cá hồ chứa: (1) thả cá vào các hồ chứa để gia tăng năng suất, sản lượng nguồn lợi thủy sản tự nhiên; (2) nuôi cá lồng bè trên hồ chứa và (3) nuôi cá hồ chứa theo mô hình trang trại, gia trại.

Nghiên cứu hình thức huy động doanh nghiệp đầu tư nuôi thả cá có quản lý ở các hồ có diện tích lớn trên cơ sở phù hợp với quy trình tích - xả nước của công trình.

4. Định hướng phát triển thủy sản tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030

a) Về khai thác thủy sản:

Trong giai đoạn 2021 - 2030 sẽ tiếp tục giảm số lượng tàu cá công suất nhỏ khai thác ở vùng ven bờ và nâng công suất tàu đánh bắt xa bờ. Đến năm 2030, toàn tỉnh sẽ còn 4.500 tàu cá với tổng công suất 2.000.000 cv.

Tổng sản lượng khai thác trên toàn tỉnh đến năm 2030 là 230.000 tấn.

b) Về nuôi trồng thủy sản:

Tổng diện tích vào NTTS đến năm 2030 khoảng 2.800 ha, trong đó nuôi mặn lợ 1.000 ha và nuôi nước ngọt 1.800 ha.

Tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng đến năm 2030 là 12.500 tấn.

c) Về chế biến và tiêu thụ thủy sản:

Đến năm 2030 tổng sản lượng thủy sản đưa vào chế biến đạt khoảng 77.950 tấn, chiếm 30,7%. Tổng công suất thiết kế nhà máy chế biến khoảng 35.000 tấn. Sản lượng chế biến xuất khẩu đạt khoảng 13.000 tấn, kim ngạch xuất khẩu đạt 30 triệu USD.

d) Về cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất thủy sản:

d1) Quy hoạch hệ thống cảng cá, bến cá và khu neo đậu tàu thuyền:

Trong giai đoạn 2021 – 2030, tiếp tục đầu tư các công trình cảng cá, bến

cá và khu neo đậu trú bão tàu cá theo quy hoạch của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Đầu tư xây dựng mới Cảng cá, khu neo đậu trú bão tàu cá và trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Cần (thuộc địa phận xã Bình Thạnh, Bình Đông - Huyện Bình Sơn).

- Đầu tư xây dựng mới Khu neo đậu trú bão tàu cá Sa Huỳnh (thuộc địa phận xã Phổ Thạnh, huyện Đức Phổ).

- Đầu tư xây dựng mới Khu dịch vụ hậu cần nghề cá Lý Sơn (thuộc địa phận xã An Hải, huyện Lý Sơn).

- Đầu tư xây dựng mới bến cá Đức Lợi (thuộc địa phận xã Đức Lợi, huyện Mộ Đức).

- Tiếp tục đầu tư Cảng cá, Khu neo đậu trú bão tàu cá và Khu dịch vụ hậu cần nghề cá Cổ Lũy (giai đoạn 2) (thuộc địa phận xã Nghĩa Phú, thành phố Quảng Ngãi).

- Tiếp tục đầu tư Cảng cá, khu neo đậu trú bão tàu cá Mỹ Á (giai đoạn 2) (thuộc địa phận xã Phổ Quang, huyện Đức Phổ).

- Tiếp tục nâng cấp cảng cá Sông Trà Bồng (thuộc địa phận xã Bình Đông, huyện Bình Sơn).

- Tiếp tục đầu tư Cảng cá và Khu neo đậu trú bão tàu cá Tịnh Hòa (cấp vùng) giai đoạn 1 (thuộc địa phận xã Tịnh Hòa, thành phố Quảng Ngãi).

d2) Quy hoạch cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu cá:

- Duy trì và phát triển 20 cơ sở đóng, sửa tàu thuyền đủ năng lực theo quy định.

- Đầu tư nâng cấp 09 cơ sở đóng, sửa tàu thuyền ở huyện Bình Sơn (01 cơ sở) và thành phố Quảng Ngãi (08 cơ sở).

d3) Quy hoạch hạ tầng giao thông, điện, cấp thoát nước và môi trường:

- Về giao thông: Đầu tư xây dựng 4 km đường giao thông nội đồng phục vụ NTTS tập trung gồm: vùng nuôi xã Đức Lợi 2 km và vùng nuôi xã Phổ Khánh 2 km.

- Về điện: Đầu tư xây dựng 02 km đường dây 22kv, 6 km đường dây 0,4kv và 02 trạm biến áp phục vụ NTTS tập trung (Vùng nuôi xóm A, thôn An Mô, xã Đức Lợi và vùng nuôi thôn Quy Thiện, xã Phổ Khánh).

- Hệ thống cấp thoát nước, đê, kè: Đối với vùng nuôi xã Đức Lợi: Lấy từ nguồn nước tại chỗ để phục vụ nuôi trồng. Đối với vùng nuôi xã Phổ Khánh: lấy nước mặn từ biển và nước ngọt được khai thác từ nước ngầm để phục vụ nuôi trồng.

- Hệ thống xử lý ô nhiễm môi trường vùng nuôi: Đối với vùng nuôi tôm trên cát xã Đức Phong, Phổ Khánh tại mỗi khu vực nuôi cần đầu tư xây dựng hệ thống hồ xử lý nước thải và điểm thu gom rác thải để xử lý nước thải trước khi xả ra biển.

d4) Cơ sở hạ tầng sản xuất giống thủy sản và hạ tầng khác:

- Đầu tư nâng cấp Trại sản xuất giống thủy sản nước lợ Đức Phong.

- Xây dựng 01 phòng kiểm nghiệm, kiểm dịch giống thủy sản và 01 phòng kiểm nghiệm chất lượng nông, lâm, thủy sản.

đ) Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản:

Tiếp tục tuyên truyền, tập huấn về công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản cho nhân dân, tăng cường công tác kiểm ngư; đẩy mạnh hoạt động Khu bảo tồn biển Lý Sơn để bảo vệ và phục hồi nguồn lợi thủy sản ven bờ. Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cơ sở vật chất, trang thiết bị đảm bảo cho Khu bảo tồn biển Lý Sơn hoạt động hiệu quả và ổn định.

5. Các giải pháp thực hiện quy hoạch

a) Về cơ chế chính sách:

a1) Tiếp tục thực hiện các cơ chế, chính sách của Trung ương và của tỉnh đã ban hành trong lĩnh vực đóng tàu khai thác xa bờ, hạ tầng nuôi trồng thủy sản, công trình cảng cá, bến cá và khu neo trú tàu cá, hỗ trợ ngư dân khai thác vùng biển xa, hỗ trợ ngư dân bị thiệt hai do thiên tai. Tiếp tục rà soát để điều chỉnh, bổ sung các cơ chế chính sách đã có nhưng đến nay đã lạc hậu, không đáp ứng nhu cầu thực tế hiện tại.

a2) Xây dựng mới các cơ chế, chính sách về khai thác, bảo vệ nguồn lợi, nuôi trồng, chế biến, dịch vụ, hạ tầng thủy sản nhằm thiết thực phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thủy sản theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững:

- Chính sách hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp từ khai thác thủy sản ven bờ, nghề lặn bắt hải sản sang nuôi trồng, chế biến, dịch vụ thủy sản và nghề khác khác nhằm giảm nghề khai thác thủy sản ven bờ có tính hủy hoại môi trường và nguồn lợi;

- Chính sách hỗ trợ ngư dân bị ảnh hưởng thu nhập khi Khu bảo tồn biển Lý Sơn đi vào hoạt động;

- Chính sách hỗ trợ mô hình quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng, phân chia giao quyền sử dụng mặt nước vùng ven bờ cho ngư dân quản lý khai thác và nuôi trồng thủy sản;

- Chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng vùng nuôi trồng thủy sản tập trung gắn với nhà máy chế biến và tiêu thụ thủy sản;

- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, xử lý chất thải trong chế biến, nuôi trồng thủy sản.

b) Giải pháp về tổ chức bộ máy, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực:

- Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực của tổ chức bộ máy, phân cấp quản lý, biên chế ngành thủy sản thực hiện tốt và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về thủy sản.

- Chú trọng công tác đào tạo công nhân lành nghề trong các lĩnh thủy sản để đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa ngành trong giai đoạn tới.

- Chú trọng nâng cao kiến thức pháp luật trong nước và quốc tế về lĩnh

vực thủy sản đối với ngư dân.

c) Giải pháp về khoa học công nghệ:

c1) Đối với khai thác thủy sản:

- Tiến hành điều tra, đánh giá ngư trường và nguồn lợi thủy sản vùng biển thuộc tỉnh để làm căn cứ thực hiện tổ chức, cơ cấu lại nghề nghiệp khai thác trong tỉnh.

- Nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới trong dự báo ngư trường, xác định vị trí hoạt động tàu thuyền; ứng dụng rộng rãi việc dò tìm đàn cá bằng máy dò cá hiện đại và công nghệ mới trong bảo quản sản phẩm sau thu hoạch nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm.

c2) Đối với nuôi trồng thủy sản:

- Nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học về môi trường, công nghệ vi sinh xử lý nước thải cho nuôi trồng thủy sản; ứng dụng công nghệ cao vào vùng nuôi tôm trên cát, vùng nuôi thâm canh, công nghiệp và sản xuất giống.

- Đẩy mạnh việc áp dụng và tổ chức thực hiện các quy trình thực hành nuôi tốt (GAP), nuôi có trách nhiệm (CoC), thực hành quản lý tốt (BMP)...cho các vùng nuôi tôm.

- Nhập mới quy trình nuôi và sản xuất giống tốt, sạch bệnh; đẩy mạnh nghiên cứu về những nguyên nhân dịch bệnh thủy sản và cách phòng chống dịch bệnh.

c3) Đối với chế biến thủy sản:

Nghiên cứu chế biến các mặt hàng thủy sản có giá trị gia tăng cao nhằm nâng cao kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Đầu tư nâng cấp trang thiết bị và áp dụng công nghệ mới, thực hiện đồng bộ thiết bị ở các cơ sở chế biến và đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm của những thị trường có nhu cầu cao.

d) Giải pháp quản lý, giám sát môi trường, dịch bệnh và chất lượng vật tư sản phẩm thủy sản:

- Tăng cường công tác chỉ đạo lịch thời vụ đối với từng đối tượng và vùng nuôi. Đẩy mạnh công tác quản lý nuôi trồng thủy sản dựa vào cộng đồng và nâng cao ý thức người nuôi trong bảo vệ môi trường và ngăn ngừa dịch bệnh.

- Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị cho các cơ quan chuyên môn để kiểm tra, kiểm soát các yếu tố môi trường. Thực hiện quan trắc nguồn nước cấp, nước ao đại diện trong các vùng nuôi trọng điểm trên các đối tượng chủ lực của tỉnh như: tôm nước lợ, cá biển, tôm hùm và cá rô phi nhằm cảnh báo cho người nuôi thủy sản, cũng như các cơ sở sản xuất giống về tình hình môi trường, dịch bệnh.

- Xây dựng phương án phòng chống dịch bệnh tôm và đối tượng nuôi trồng thủy sản để chủ động xử lý khi có dịch bệnh xảy ra.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra và kiểm dịch giống thủy sản. Thành lập trạm kiểm dịch thủy sản tại các khu vực sản xuất kinh doanh giống để thực hiện việc kiểm dịch giống trước khi bán cho người dân.

- Đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hệ thống thủy lợi và xử lý nước thải, chất thải cho những vùng nuôi tập trung, vùng sản xuất giống.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân chấm dứt tình trạng nuôi trồng thủy sản tự phát, không nuôi trồng thủy sản ngoài vùng quy hoạch nuôi trồng thủy sản của tỉnh đã quy định nhằm hạn chế nguy cơ lây truyền dịch bệnh, ô nhiễm môi trường nguồn nước.

- Tăng cường đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác quản lý chất lượng vật tư và sản phẩm thủy sản.

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát có hiệu quả các vấn đề môi trường trong sản xuất và vận hành xử lý nước thải; công tác quản lý chất lượng vật tư và an toàn vệ sinh thực phẩm nhằm kịp thời ngăn chặn, xử lý dứt điểm việc lạm dụng thuốc kháng sinh trong nuôi trồng thủy sản.

e) Giải pháp về bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản và ứng phó với biến đổi khí hậu

- Nâng cao nhận thức của ngư dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng về sử dụng hợp lý nguồn lợi vùng biển ven bờ. Xử lý triệt để việc sử dụng thuốc nổ để đánh bắt hải sản, việc sử dụng tàu cá giã cào có công suất lớn đánh bắt thủy sản gần bờ, làm cạn kiệt nguồn lợi thủy sản.

- Thực hiện các dự án bảo tồn sinh vật biển và nguồn lợi thủy sản, xây dựng và khôi phục hệ thống chà rạo, rạn đá nhân tạo vùng nước ven bờ. Tiếp tục xây dựng và đẩy mạnh hoạt động Khu Bảo tồn biển Lý Sơn.

- Thả giống, tái tạo nguồn lợi thủy sản ở một số thủy vực tự nhiên, một số loài bản địa, đặc hữu, có giá trị kinh tế, các loài quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng.

- Rà soát các vùng cấm khai thác, hạn chế khai thác đưa ra các biện pháp bảo vệ bãi giống, bãi đẻ của các loài bản địa đặc hữu, có nguy cơ tuyệt chủng.

- Xây dựng mô hình quản lý nguồn lợi thủy sản dựa vào cộng đồng trên cơ sở các nguồn vốn từ các tổ chức ngoài nước như WB, ODA,...

- Xây dựng chương trình bảo tồn các giống loài thủy sản quý hiếm như: tôm hùm, cua huỳnh đế, ốc biển, rong biển,...

- Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng (BĐKH - NBD); xây dựng các báo cáo về mối quan hệ hệ thống và cơ chế tác động giữa khí hậu và các yếu tố liên quan đến hoạt động ngành thủy sản của tỉnh.

- Nghiên cứu các giống thủy sản có khả năng thích ứng tốt với tác động của môi trường, thời tiết khí hậu diễn biến bất thường, không theo quy luật.

- Tăng cường phối hợp hành động liên ngành, liên tỉnh, liên vùng để ứng phó với BĐKH – NBD.

- Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền giúp ngư dân nhận thức rõ về ảnh hưởng của BĐKH - NBD đến đời sống và sản xuất.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, nắm bắt kịp thời thông tin; tranh thủ sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về vốn, khoa học - công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực; học hỏi kinh nghiệm của các quốc gia có điều kiện tương đồng trong việc ứng phó với BĐKH - NBD.

g) Giải pháp về tổ chức sản xuất, xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường tiêu thụ:

g1) Đối với khai thác thủy sản:

- Khuyến khích và vận động ngư dân tham gia vào các tổ chức quản lý cộng đồng nghề cá của địa phương trên cơ sở các nghiệp đoàn nghề cá, chi hội nghề cá, Hợp tác xã dịch vụ và khai thác thủy sản xa bờ, tổ ngư dân đoàn kết sản xuất trên biển,...

- Tăng cường công tác đăng ký, đăng kiểm tàu thuyền hiện có, phân loại khả năng hoạt động của từng nhóm tàu, tiến hành giải bản những tàu không đảm bảo an toàn khi hoạt động trên biển. Kiểm soát chặt chẽ, không cho phép đóng mới tàu cá làm nghề lưới kéo, nghề lặn và tàu công suất nhỏ hơn 30 CV khai thác ven bờ.

g2) Đối với nuôi trồng thủy sản:

- Hỗ trợ xây dựng và nhân rộng mô hình hợp tác xã dịch vụ hậu cần nghề cá phục vụ khai thác thủy sản xa bờ để nâng cao hiệu quả nghề khai thác.

- Từng bước tổ chức hợp tác sản xuất theo chuỗi sản phẩm khép kín từ cung ứng hậu cần, khai thác, vận chuyển đến thu mua, chế biến, tiêu thụ theo mô hình có tàu dịch vụ hậu cần trên ngư trường.

- Tập trung đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ ở các vùng nuôi tập trung (kênh cấp - thoát nước, hệ thống xử lý nước thải, đường giao thông, điện,...) nhằm đảm bảo nuôi bền vững và có hiệu quả kinh tế cao.

- Tổ chức các cộng đồng NTTS dưới hình thức đồng quản lý, các hội, câu lạc bộ hoặc tổ hợp tác nuôi thủy sản.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào lĩnh vực sản xuất giống và tổ chức nuôi với quy mô lớn tập trung, công nghệ cao; gắn chế biến, tiêu thụ sản phẩm với người nuôi trên cơ sở các hợp đồng kinh tế, gắn kết cung cấp đầu vào, truyền bá kỹ thuật, công nghệ nuôi và bao tiêu sản phẩm.

g3) Đối với chế biến, thương mại thủy sản:

- Thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ để giải quyết lao động và việc làm. Hướng dẫn các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế thực hiện mối hợp tác giữa 4 nhà trong phát triển kinh tế thủy sản.

- Xây dựng mối liên kết chặt chẽ giữa các khâu: khai thác, nuôi trồng - chế biến - tiêu thụ sản phẩm. Nghiên cứu xây dựng một số chuỗi sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng.

- Tổ chức các kênh phân phối, hướng dẫn tiêu dùng. Tổ chức hệ thống

buôn bán thủy sản ở các đô thị, các khu công nghiệp, các vùng tập trung dân cư đáp ứng nhu cầu phục vụ theo hướng văn minh, hiện đại.

- Coi trọng việc giám sát đăng ký hàng hóa, chất lượng, bao bì, mẫu mã, vệ sinh an toàn thực phẩm, sử dụng hóa chất và phụ gia đúng quy định.

- Các doanh nghiệp chế biến thủy sản của tỉnh phải có chương trình và kế hoạch cụ thể để sản xuất hàng hóa, xây dựng thương hiệu riêng cho sản phẩm của mình và tổ chức hệ thống bán buôn cho các địa phương.

- Các doanh nghiệp chế biến thủy sản cần liên doanh trực tiếp với các đối tác nhập khẩu thủy sản. Hình thức tổ chức có thể linh hoạt theo điều kiện cụ thể nhưng mục tiêu là phải tạo kênh phân phối bán hàng tại các thị trường nhập khẩu tiêu thụ thủy sản lớn.

- Các doanh nghiệp chế biến của Quảng Ngãi cần đổi mới công nghệ sản xuất, đa dạng mặt hàng, phải xây dựng thương hiệu với các sản phẩm chủ lực, siết chặt việc đăng ký chất lượng mẫu mã bao bì cho tất cả các sản phẩm thủy sản.

- Duy trì các thị trường truyền thống như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Mỹ, EU, Trung Quốc và cần phát triển thêm các thị trường các nước trong khu vực Đông Nam Á.

h) Giải pháp về vốn đầu tư:

h1) Về huy động vốn đầu tư:

- Tập trung nghiên cứu xây dựng các Chương trình, dự án ưu tiên trình cấp thẩm quyền phê duyệt để bổ sung vào kế hoạch trung hạn của Trung ương và tỉnh để tranh thủ vốn đầu tư từ ngân sách, vốn ODA, ...

- Xây dựng và công bố công khai danh mục các dự án kêu gọi đầu tư để thu hút nguồn vốn đầu tư xã hội (tín dụng, FDI, tư nhân,...) tham gia phát triển thủy sản.

- Tổ chức thực hiện tốt Quyết định số 36/2016/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc ban hành quy định về ưu đãi, hỗ trợ và thu hút đầu tư của tỉnh Quảng Ngãi để thu hút nguồn vốn đầu tư trong dân, doanh nghiệp và các thành phần kinh tế khác vào phát triển thủy sản.

h2) Về nguồn vốn: Nguồn vốn cho đầu tư phát triển thủy sản tại Quảng Ngãi có thể được huy động từ 4 nguồn sau đây: vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh; vốn tín dụng trung và dài hạn; vốn nước ngoài (bao gồm cả các tổ chức và cá nhân) và vốn huy động trong dân.

6. Nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư

a) Nhu cầu vốn đầu tư:

Tổng nhu cầu vốn đầu tư cho thực hiện quy hoạch giai đoạn đến năm 2030 khoảng 10.875.525 triệu đồng; trong đó:

a1) Giai đoạn đến năm 2020 là 3.775.788 triệu đồng, trong đó:

- Quy hoạch: 2.500 triệu đồng;
- Lĩnh vực khai thác thủy sản: 2.953.000 triệu đồng;

- Lĩnh vực nuôi trồng thủy sản: 172.100 triệu đồng;

- Lĩnh vực chế biến thủy sản và thương mại thủy sản: 53.000 triệu đồng;

- Cơ sở hạ tầng và dịch vụ: 546.980 triệu đồng;

- Các chương trình thủy sản chuyên ngành: 48.208 triệu đồng.

a2) Giai đoạn 2021-2030 là 7.099.737 triệu đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư cho quy hoạch giai đoạn đến năm 2020 là 3.775.788 triệu đồng, trong đó:

- Vốn đầu tư trung hạn: 503.930 triệu đồng, chiếm 13,3% tổng vốn đầu tư, gồm:

- Vốn ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh (bổ sung): 1.129.308 triệu đồng, chiếm 29,9% tổng vốn đầu tư (*Trong đó: vốn hỗ trợ chính sách theo Quyết định số 48/2010/QĐ-TTg: 978.000 triệu đồng).*

- Vốn ODA (dự kiến): 10.000 triệu đồng, chiếm 0,3% tổng vốn đầu tư.

- Vốn các dự án đã có quyết định của UBND tỉnh nhưng chưa nằm trong danh mục đầu tư trung hạn:100.000 triệu đồng, chiếm 2,6% tổng vốn đầu tư.

- Vốn khác (tín dụng, xã hội hóa + khác): 2.032.550 triệu đồng, chiếm 53,8% tổng vốn đầu tư.

c) Phân kỳ vốn đầu tư giai đoạn đến năm 2020 là 3.775.788 triệu đồng, trong đó:

- Năm 2016: 22.399 triệu đồng (đã thực hiện);

- Năm 2017: 802.300 triệu đồng;

- Năm 2018: 943.854 triệu đồng;

- Năm 2019: 1.086.154 triệu đồng;

- Năm 2020: 921.081 triệu đồng.

(Có Báo cáo tóm tắt Quy hoạch và dự thảo Nghị quyết kèm theo)

Kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), TH, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN(tnh379).

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Văn Minh